

LUẬT DỊCH VỤ VIỆC LÀM (ĐÀI LOAN)

Ngày sửa đổi: 20 tháng 01 năm 2025 (Năm Dân Quốc 114)

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Nhằm thúc đẩy việc làm cho người dân, tăng cường phát triển kinh tế và xã hội, luật này được ban hành; những quy định không có trong luật này sẽ áp dụng theo quy định của các luật khác.

Điều 2. Các thuật ngữ trong Luật này được định nghĩa như sau:

- Dịch vụ việc làm: Chỉ các dịch vụ được cung cấp nhằm hỗ trợ người dân tìm việc làm và người sử dụng lao động tuyển dụng nhân viên.
- Cơ sở dịch vụ việc làm: Chỉ các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm. Do cơ quan chính phủ thành lập là Cơ sở dịch vụ việc làm công lập; do cá nhân hoặc đoàn thể ngoài chính phủ thành lập là Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân.
- Người sử dụng lao động (Chủ sử dụng): Chỉ người thuê, sử dụng lao động để làm việc.
- Người trung niên và cao tuổi: Chỉ công dân từ đủ 45 tuổi đến 65 tuổi.
- Người thất nghiệp dài hạn: Chỉ người thất nghiệp liên tục từ 1 năm trở lên, và trong vòng 3 năm trước ngày hủy bảo hiểm lao động có tổng thời gian tham gia bảo hiểm từ đủ 6 tháng trở lên, đồng thời trong vòng 1 tháng gần nhất có đăng ký tìm việc tại cơ sở dịch vụ việc làm công lập.

Điều 3. Công dân có tự do lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, các trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế thì không thuộc phạm vi này.

Điều 4. Công dân có khả năng lao động đều được bình đẳng tiếp cận các dịch vụ việc làm.

Điều 5. 1. Để bảo đảm cơ hội việc làm bình đẳng cho người dân, người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử với người tìm việc hoặc người lao động được tuyển dụng dựa trên chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái, quê quán, nơi sinh, giới tính, xu hướng tính dục, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, diện mạo, ngũ quan, khuyết tật thể chất/tinh thần, cung hoàng đạo, nhóm máu hoặc tiền sử là hội viên công đoàn; trường hợp các luật khác có quy định rõ thì áp dụng theo quy định đó.

2. Người sử dụng lao động khi tuyển dụng hoặc sử dụng lao động không được có các hành vi sau:

- Quảng cáo hoặc thông báo không đúng sự thật.
- Trái với ý muốn của người tìm việc hoặc người lao động mà giữ CMND/CCCD, chứng chỉ làm việc hoặc các giấy tờ chứng minh khác, hoặc yêu cầu cung cấp thông tin riêng tư không liên quan đến nhu cầu công việc.
- Tạm giữ tài sản của người tìm việc hoặc người lao động hoặc thu tiền thế chân (tiền bảo chứng).
- Phân công người tìm việc hoặc người lao động làm công việc vi phạm trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.
- Cung cấp thông tin hoặc mẫu kiểm tra sức khỏe không đúng sự thật khi làm thủ tục xin cấp phép, tuyển dụng, đưa vào làm việc hoặc quản lý người lao động nước ngoài.
- Cung cấp vị trí tuyển dụng có mức lương thường xuyên dưới 40.000 Tân Đài Tệ mà không công khai hoặc không thông báo rõ khoảng lương.

Điều 6. 1. Cơ quan quản lý nhà nước được nói đến trong Luật này: Ở trung ương là Bộ Lao động; ở thành phố trực thuộc trung ương là Chính quyền thành phố; ở tỉnh/huyện (thành phố) là Chính quyền tỉnh/huyện

(thành phố).

2. Cơ quan quản lý trung ương phải phối hợp với Ủy ban Dân tộc Nguyên sinh xử lý các công việc dịch vụ việc làm liên quan đến người dân tộc nguyên sinh.

3. Các công việc thuộc thẩm quyền của Cơ quan quản lý trung ương gồm:

(1) Bán hành chính sách, pháp luật, kế hoạch và phương án việc làm quốc gia.

(2) Cung cấp thông tin thị trường lao động toàn quốc.

(3) Ban hành tiêu chuẩn thao tác dịch vụ việc làm.

(4) Giám sát, điều phối và đánh giá công tác dịch vụ việc làm toàn quốc.

(5) Cấp phép và quản lý việc người sử dụng lao động xin tuyển dụng lao động nước ngoài.

(6) Cấp phép, tạm ngừng hoạt động và thu hồi giấy phép đối với các cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân thực hiện các dịch vụ môi giới sau:

- Môi giới người nước ngoài vào làm việc tại Dân Quốc (Đài Loan).

- Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao, người dân đại lục vào làm việc tại khu vực Đài Loan.

- Môi giới người trong nước ra nước ngoài làm việc.

(7) Các công việc khác liên quan đến dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm toàn quốc.

4. Các công việc thuộc thẩm quyền của Cơ quan quản lý cấp thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh/huyện gồm:

(1) Xác định hành vi phân biệt đối xử trong việc làm.

(2) Quản lý và kiểm tra việc làm của người nước ngoài trên lãnh thổ Dân Quốc.

(3) Cấp phép, tạm ngừng hoạt động và thu hồi giấy phép đối với các cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân môi giới người trong nước làm việc trong nước.

(4) Quản lý các cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân ngoài các đối tượng quy định tại khoản 6 khoản trên và khoản trước.

(5) Các công việc phối hợp khác liên quan đến dịch vụ việc làm cho người dân.

Điều 7. 1. Cơ quan quản lý có thể bổ nhiệm đại diện của người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan chính phủ cùng các chuyên gia, nhà khoa học để nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm; trong đó đại diện người lao động, người sử dụng lao động và chuyên gia không được ít hơn 1/2.

2. Đại diện đơn giới tính trong quy định trên không được ít hơn 1/3.

Điều 8. Cơ quan quản lý phải định kỳ tổ chức đào tạo tại chức nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và hiệu quả làm việc cho nhân viên dịch vụ việc làm.

Điều 9. Cơ sở dịch vụ việc làm và nhân viên không được công khai thông tin của chủ sử dụng lao động và người tìm việc ra bên ngoài, trừ trường hợp cần thiết cho việc giới thiệu việc làm.

Điều 10. 1. Trong thời gian bãi công hợp pháp, hoặc trong thời gian hòa giải tranh chấp lao động liên quan đến quyền lợi của đa số người lao động do chấm dứt hợp đồng lao động, cơ sở dịch vụ việc làm không được giới thiệu người tìm việc đến làm việc tại địa điểm đang bãi công hoặc có tranh chấp lao động đó.

2. "Đa số người lao động" quy định ở khoản trên là chỉ số người lao động liên quan đến tranh chấp lao động từ 10 người trở lên, hoặc dù dưới 10 người nhưng chiếm từ 1/3 tổng số lao động trở lên tại nơi xảy ra tranh chấp.

Điều 11. 1. Cơ quan quản lý phải khen thưởng và biểu dương những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc trong việc thúc đẩy việc làm cho người dân.

2. Biện pháp về điều kiện, hạng mục, hình thức khen thưởng và các quy định cần tuân thủ do Cơ quan quản lý trung ương định ra.

Chương II: Dịch vụ việc làm của Chính phủ

Điều 12. 1. Cơ quan quản lý có thể căn cứ nhu cầu công việc để thành lập các cơ sở dịch vụ việc làm công lập tại các địa phương.

2. Nơi có dân số người dân tộc nguyên sinh từ 20.000 người trở lên thuộc phạm vi quản lý của thành phố trực thuộc trung ương hoặc tỉnh/huyện có thể thành lập cơ sở dịch vụ việc làm công lập phù hợp với văn hóa đặc thù của người dân tộc nguyên sinh.

3. Quy chuẩn thành lập cơ sở dịch vụ việc làm công lập nêu trên do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 13. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập thực hiện dịch vụ việc làm theo nguyên tắc miễn phí. Tuy nhiên, chi phí tổ chức thi tuyển nhân tài theo ủy thác của chủ sử dụng lao động có thể thu từ chủ sử dụng lao động.

Điều 14. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập không được từ chối đơn đăng ký tìm việc, tuyển dụng của người tìm việc và chủ sử dụng lao động. Tuy nhiên, đơn đăng ký vi phạm pháp luật hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết cho việc giới thiệu việc làm thì không thuộc phạm vi này.

Điều 15. (Đã hủy bỏ)

Điều 16. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải thu thập, chỉnh lý, phân tích dữ liệu biến động tiền lương, cung cầu nhân lực và triển vọng tương lai trong khu vực phụ trách để cung cấp thông tin thị trường việc làm.

Điều 17. 1. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải tư vấn việc làm cho người tìm việc trước, sau đó căn cứ vào kết quả tư vấn hoặc đánh giá hướng nghiệp để giới thiệu việc làm, học nghề, kiểm định kỹ năng, hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển tuyến hoặc xác nhận thất nghiệp và chuyển xin cấp trợ cấp thất nghiệp.

2. Các hạng mục và nội dung dịch vụ nêu trên phải được lập hồ sơ ghi chép.

3. Quy định về tư vấn việc làm, hướng nghiệp và các vấn đề liên quan do Cơ quan quản lý trung ương định ra.

Điều 18. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với các trường học trong khu vực phụ trách, hỗ trợ trường học thực hiện công tác hướng nghiệp cho học sinh, phối hợp giới thiệu học sinh tốt nghiệp đi làm hoặc tham gia học nghề và hỗ trợ sau khi có việc làm.

Điều 19. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập nhằm hỗ trợ người tìm việc thiếu kiến thức/kỹ năng làm việc có thể giới thiệu họ tham gia học nghề; đối với người đã hoàn thành khóa học nghề phải hỗ trợ giới thiệu việc làm.

Điều 20. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập đối với người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp bảo hiểm việc làm phải giới thiệu việc làm hoặc tham gia học nghề.

Chương III: Thúc đẩy việc làm

Điều 21. Chính phủ phải căn cứ vào dữ liệu điều tra tình hình việc làm và thất nghiệp để hoạch định các biện pháp điều tiết cung cầu nhân lực, thúc đẩy sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và việc làm của người dân.

Điều 22. Cơ quan quản lý trung ương nhằm thúc đẩy cân bằng cung cầu nhân lực giữa các vùng miền và phối hợp thực hiện trợ cấp thất nghiệp bảo hiểm việc làm, phải xây dựng mạng thông tin việc làm toàn quốc.

Điều 23. 1. Khi suy thoái kinh tế dẫn đến thất nghiệp hàng loạt, Cơ quan quản lý trung ương có thể khuyến khích chủ sử dụng lao động thương lượng với công đoàn hoặc người lao động giảm giờ làm, điều chỉnh lương, tổ chức đào tạo giáo dục... để tránh cắt giảm nhân viên; đồng thời căn cứ nhu cầu thực tế tăng cường đào tạo nghề hoặc áp dụng các biện pháp hỗ trợ như tạo cơ hội việc làm tạm thời, trợ cấp lãi suất vay khởi nghiệp; khi cần thiết phải cấp tiền trợ cấp hoặc hỗ trợ kinh phí để thúc đẩy việc làm.

2. Điều kiện, hạng mục, hình thức, thời hạn, nguồn kinh phí xin trợ cấp lãi suất, tiền trợ cấp và tiền hỗ trợ nêu trên do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 24. 1. Cơ quan quản lý đối với các đối tượng tự nguyện làm việc sau đây phải lập kế hoạch thúc đẩy việc làm; khi cần thiết có thể cấp trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ:

- (1) Người gánh vác kinh tế gia đình độc lập.
- (2) Người trung niên và cao tuổi.
- (3) Người khuyết tật thể chất hoặc tinh thần.
- (4) Người dân tộc nguyên sinh.
- (5) Người có khả năng lao động thuộc hộ thu nhập thấp hoặc cận nghèo.
- (6) Người thất nghiệp dài hạn.
- (7) Phụ nữ quay lại thị trường lao động lần hai.
- (8) Nạn nhân bạo lực gia đình.
- (9) Người được bảo vệ tái hòa nhập cộng đồng.
- (10) Đối tượng khác do Cơ quan quản lý trung ương xét thấy cần thiết.

2. Kế hoạch trên phải định kỳ đánh giá để bảo đảm hiệu quả thực tế.

3. Cơ quan quản lý đối với người có chứng chỉ chăm sóc viên tự nguyện làm việc phải cung cấp các biện pháp hỗ trợ liên quan.

4. Điều kiện, số tiền, thời hạn, nguồn kinh phí xin trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ do Cơ quan quản lý quy định.

Điều 25. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải chủ động tìm kiếm các cơ hội việc làm phù hợp cho người khuyết tật và người trung niên/cao tuổi, đồng thời định kỳ công bố.

Điều 26. Cơ quan quản lý nhằm hỗ trợ người gánh vác kinh tế gia đình độc lập hoặc phụ nữ nghỉ việc do mang thai, sinh con, chăm sóc con cái quay lại làm việc, phải căn cứ nhu cầu thực tế tổ chức đào tạo nghề.

Điều 27. Cơ quan quản lý nhằm hỗ trợ người khuyết tật và người dân tộc nguyên sinh thích nghi với môi trường làm việc, phải căn cứ nhu cầu thực tế thực hiện đào tạo thích nghi.

Điều 28. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập sau khi giới thiệu người khuyết tật và người dân tộc nguyên sinh có việc làm, phải tiến hành theo dõi thăm hỏi để hỗ trợ thích nghi công việc.

Điều 29. 1. Cơ quan quản lý cấp thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh/huyện phải lập danh sách những người có khả năng lao động thuộc hộ thu nhập thấp và cận nghèo gửi cơ sở dịch vụ việc làm công lập địa phương để giới thiệu việc làm hoặc học nghề.

2. Người tìm việc do cơ sở dịch vụ việc làm công lập giới thiệu thuộc hộ thu nhập thấp, cận nghèo hoặc nạn nhân bạo lực gia đình có khả năng lao động, chi phí đi lại cần thiết khi đi phỏng vấn có thể được hỗ trợ một phần.

Điều 30. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với cơ quan quản lý nghĩa vụ quân sự địa phương để hỗ trợ giới thiệu người xuất ngũ tìm việc làm hoặc tham gia học nghề.

Điều 31. Cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với Hội bảo vệ tái hòa nhập cộng đồng để hỗ trợ giới thiệu người được bảo vệ tìm việc làm hoặc tham gia học nghề.

Điều 32. 1. Cơ quan quản lý nhằm thúc đẩy việc làm cho người dân phải lập ngân sách hàng năm để thực hiện các biện pháp theo thẩm quyền quy định trong Luật này.

2. Cơ quan quản lý trung ương có thể căn cứ tình hình tài chính thực tế của cơ quan quản lý thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh/huyện để hỗ trợ kinh phí.

Điều 33. 1. Khi người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc (sa thải/chấm dứt HĐLĐ), phải thông báo danh sách gồm họ tên, giới tính, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, công việc, lý do cho thôi việc và có cần hỗ trợ việc làm hay không cho cơ quan quản lý địa phương và cơ sở dịch vụ việc làm công lập trước 10 ngày. Tuy nhiên, nếu việc cho thôi việc do thiên tai, sự cố hoặc bất khả kháng thì phải thực hiện trong vòng 3 ngày kể từ ngày người lao động nghỉ việc.

2. Sau khi nhận được thông báo, cơ sở dịch vụ việc làm công lập phải căn cứ nguyện vọng và khả năng làm việc của người bị sa thải để hỗ trợ tìm việc làm mới.

Điều 33-1. Cơ quan quản lý trung ương có thể ủy nhiệm các cơ sở dịch vụ việc làm hoặc cơ sở đào tạo nghề trực thuộc, ủy thác cơ quan quản lý thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh/huyện hoặc ủy thác các cơ quan/tổ chức, đoàn thể liên quan thực hiện các nhiệm vụ quản lý dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm quy định trong Luật này.

Chương IV: Dịch vụ việc làm tư nhân

Điều 34. 1. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân và các chi nhánh phải nộp đơn xin phép thành lập lên cơ quan quản lý, sau khi được cấp giấy phép mới được kinh doanh dịch vụ việc làm; giấy phép phải được gia hạn định kỳ.

2. Khi chưa được phép không được kinh doanh dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, trường hợp trường học, cơ sở đào tạo nghề được thành lập hợp pháp hoặc cơ quan/tổ chức nhận ủy thác của chính phủ thực hiện đào tạo, dịch vụ việc làm làm thủ tục miễn phí cho học sinh tốt nghiệp, học viên hoặc người tìm việc thì không thuộc hạn chế này.

3. Điều kiện, thời hạn cấp phép thành lập, hủy bỏ giấy phép, gia hạn giấy phép và các quy định quản lý khác đối với cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 35. 1. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân được phép kinh doanh các dịch vụ việc làm sau:

- (1) Giới thiệu nghề nghiệp hoặc môi giới nhân lực.
- (2) Nhận ủy thác tuyển dụng nhân viên.
- (3) Tư vấn việc làm hoặc trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp hỗ trợ người dân lập kế hoạch phát triển sự nghiệp.
- (4) Các dịch vụ việc làm khác do Cơ quan quản lý trung ương chỉ định.

2. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân kinh doanh các dịch vụ nêu trên được thu phí; các hạng mục và mức phí do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 36. 1. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân phải bố trí nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm đủ số lượng và đạt tiêu chuẩn quy định.

2. Tiêu chuẩn và số lượng nhân viên chuyên môn nêu trên được quy định trong Biện pháp cấp phép và quản lý cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân.

Điều 37. Nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm không được có các hành vi sau:

1. Cho phép người khác mượn danh nghĩa của mình để kinh doanh dịch vụ việc làm.
2. Thực hiện nghiệp vụ vi phạm pháp luật.

Điều 38. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân thực hiện các dịch vụ môi giới sau đây phải đăng ký dưới hình thức công ty. Tuy nhiên, các tổ chức/đoàn thể phi lợi nhuận do Cơ quan quản lý trung ương thành lập hoặc được Cơ quan quản lý trung ương cho phép, chỉ định, ủy nhiệm thì không thuộc phạm vi này:

1. Môi giới người nước ngoài vào làm việc tại Dân Quốc (Đài Loan).
2. Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao, người dân đại lục vào làm việc tại khu vực Đài Loan.
3. Môi giới người trong nước ra nước ngoài làm việc.

Điều 39. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân phải lập và lưu trữ các hồ sơ, tài liệu theo quy định; khi cơ quan quản lý kiểm tra không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Điều 40. 1. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân và nhân viên không được có các hành vi sau:

- (1) Môi giới mà không ký hợp đồng bằng văn bản với chủ sử dụng hoặc người tìm việc theo quy định.
- (2) Quảng cáo hoặc thông báo sai sự thật hoặc vi phạm khoản 1 Điều 5.
- (3) Trái ý muốn của người tìm việc mà giữ CMND/CCCD, chứng chỉ làm việc hoặc giấy tờ chứng minh khác.
- (4) Tạm giữ tài sản của người tìm việc hoặc thu tiền thế chân giới thiệu việc làm.
- (5) Yêu cầu, hứa hẹn hoặc nhận phí vượt quá tiêu chuẩn quy định hoặc các lợi ích bất hợp pháp khác.
- (6) Đưa hối lộ, hứa hẹn hối lộ hoặc giao lợi ích bất hợp pháp.
- (7) Môi giới người tìm việc làm công việc vi phạm trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.
- (8) Nhận ủy thác làm thủ tục xin cấp phép, tuyển dụng, đưa vào làm việc hoặc quản lý người lao động nước ngoài mà cung cấp thông tin hoặc mẫu kiểm tra sức khỏe không đúng sự thật.
- (9) Thực hiện dịch vụ việc làm có hành vi đe dọa, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng niềm tin.
- (10) Trái ý muốn của chủ sử dụng hoặc người lao động mà giữ giấy phép, giấy tờ tùy thân hoặc các giấy tờ liên quan khác.
- (11) Không kê khai hoặc kê khai sai sự thật các báo cáo theo quy định của cơ quan quản lý.
- (12) Không làm thủ tục thay đổi đăng ký, khai báo tạm ngừng hoạt động hoặc đổi, cấp lại giấy phép theo quy định.
- (13) Không niêm yết giấy phép, bảng chi tiết hạng mục và mức phí, chứng chỉ nhân viên chuyên môn theo quy định.
- (14) Bị cơ quan quản lý xử phạt đình chỉ hoạt động mà vẫn tiếp tục kinh doanh khi chưa hết thời hạn.
- (15) Thực hiện dịch vụ việc làm không tận tâm với công việc được ủy thác, dẫn đến chủ sử dụng vi phạm Luật này hoặc các quy định ban hành theo Luật này, hoặc làm tổn hại quyền lợi của người lao động.
- (16) Cho thuê, mượn hoặc cho thuê/mượn lại giấy phép cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân hoặc chứng chỉ nhân viên chuyên môn.
- (17) Lao động nước ngoài đưa vào theo ủy thác bị bỏ trốn (không rõ tung tích) trong vòng 3 tháng nhập cảnh, và trong vòng 1 năm đạt số lượng và tỷ lệ nhất định.
- (18) Có hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, cướp tự do, gây thương tích nặng hoặc cố ý giết người đối với người tìm việc hoặc lao động nước ngoài.
- (19) Biết lao động nước ngoài có nghi vấn bị chủ sử dụng, người được chăm sóc, người thân sống chung, đại diện của chủ sử dụng thực hiện hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, cướp tự do, gây thương tích

nặng hoặc giết người mà không thông báo cho cơ quan quản lý, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cảnh sát trong vòng 24 giờ.

(20) Các hành vi vi phạm Luật này hoặc các quy định ban hành theo Luật này.

2. Số lượng, tỷ lệ và phương thức kiểm tra quy định tại khoản 17 nêu trên do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 41. Đơn vị nhận đăng/truyền thông tin quảng cáo tuyển dụng phải lưu giữ thông tin tên, địa chỉ, số điện thoại, số CMND/CCCD hoặc mã số doanh nghiệp của người ủy thác trong 2 tháng kể từ ngày đăng; không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối khi cơ quan quản lý kiểm tra.

Chương V: Tuyển dụng và Quản lý Lao động Nước ngoài

Điều 42. Để bảo đảm quyền làm việc của người dân trong nước, việc tuyển dụng lao động nước ngoài làm việc không được làm ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, điều kiện lao động, phát triển kinh tế và ổn định xã hội của công dân trong nước.

Điều 43. Trừ trường hợp Luật này có quy định khác, người nước ngoài chưa được chủ sử dụng lao động nộp đơn xin phép và được phê duyệt thì không được làm việc trên lãnh thổ Dân Quốc (Đài Loan).

Điều 44. Bất kỳ ai cũng không được chứa chấp bất hợp pháp người nước ngoài làm việc.

Điều 45. Bất kỳ ai cũng không được môi giới bất hợp pháp cho người nước ngoài làm việc cho người khác.

Điều 46. 1. Công việc mà người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Đài Loan chỉ giới hạn trong các hạng mục sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):

(1) Công việc chuyên môn hoặc kỹ thuật.

(2) Người quản lý doanh nghiệp do Kiều bào hoặc người nước ngoài được chính phủ phê duyệt đầu tư/thành lập.

(3) Giáo viên tại các trường sau:

- Giáo viên trường đại học/cao đẳng công lập hoặc tư nhân đã đăng ký, hoặc trường dành cho kiều dân nước ngoài.

- Giáo viên ngoại ngữ có bằng cấp tại các trường trung học trở xuống công lập hoặc tư nhân đã đăng ký.

- Giáo viên dạy môn học tại bộ phận song ngữ trường trung học thực nghiệm công/tư lập hoặc trường song ngữ.

(4) Giáo viên cơ hữu tại các cơ sở bổ túc ngắn hạn đăng ký theo Luật Giáo dục Bổ túc và Tiếp tục.

(5) Huấn luyện viên và vận động viên thể thao.

(6) Công việc tôn giáo, nghệ thuật và biểu diễn.

(7) Thuyền viên tàu thương mại, tàu công trình và các tàu khác được Bộ Giao thông cấp phép đặc biệt.

(8) Công việc đánh bắt hải sản (ngư nghiệp).

(9) Khán hộ công gia đình, khán hộ công tại cơ sở và giúp việc gia đình.

(10) Công việc do Cơ quan quản lý trung ương chỉ định nhằm đáp ứng công trình xây dựng trọng điểm quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội.

(11) Các công việc đặc thù khác trong nước thiếu nhân tài, có nhu cầu tuyển dụng người nước ngoài và được Cơ quan quản lý trung ương phê duyệt chuyên án.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn xét duyệt đối với người nước ngoài làm các công việc nêu trên do Cơ quan quản lý trung ương phối hợp với cơ quan chủ quản ngành nghề liên quan định ra. Tuy nhiên đối với khán

hộ công gia đình (khoản 9), nếu người được chăm sóc là người dân tộc nguyên sinh, phương thức đánh giá do Bộ Y tế Phối hợp với Ủy ban Dân tộc Nguyên sinh định ra.

3. Chủ sử dụng tuyển lao động nước ngoài theo khoản 8 đến 10 phải ký HĐLĐ bằng văn bản và phải là hợp đồng xác định thời hạn.

4. Tuyển khán hộ công gia đình cho người từ đủ 80 tuổi trở lên hoặc 70-79 tuổi bị ung thư giai đoạn 2 trở lên được miễn qua đánh giá chuyên môn của cơ sở y tế.

Điều 47. 1. Chủ sử dụng lao động muốn tuyển người nước ngoài làm công việc quy định tại khoản 8 đến 11 khoản 1 Điều 46, trước tiên phải tiến hành tuyển dụng trong nước với điều kiện lao động hợp lý. Khi không tuyển đủ mới được nộp đơn xin tuyển số lượng còn thiếu.

2. Khi tuyển dụng trong nước, không được từ chối người tìm việc do cơ quan dịch vụ việc làm công lập giới thiệu nếu không có lý do chính đáng.

Điều 48. 1. Chủ sử dụng lao động tuyển lao động nước ngoài phải nộp hồ sơ xin cấp phép lên Cơ quan quản lý trung ương. Trừ các trường hợp sau không cần xin phép:

(1) Cố vấn, nghiên cứu viên nước ngoài do các cấp chính phủ và cơ quan nghiên cứu học thuật trực thuộc mời.

(2) Người nước ngoài kết hôn với công dân có hộ khẩu tại Đài Loan và được phép cư trú.

(3) Giảng viên, nhà nghiên cứu tại các trường đại học công/tư lập được Bộ Giáo dục công nhận.

2. Biện pháp cấp phép, hủy bỏ giấy phép và quản lý tuyển dụng do Cơ quan quản lý trung ương phối hợp các cơ quan liên quan định ra.

3. Biện pháp khám sức khỏe trước và sau khi nhập cảnh do Bộ Y tế phối hợp Bộ Lao động định ra.

4. Việc khám sức khỏe do các bệnh viện do Bộ Y tế chỉ định thực hiện.

5. Lao động nước ngoài khám sức khỏe không đạt yêu cầu bị buộc xuất cảnh thì chủ sử dụng phải đốc thúc xuất cảnh.

6. Cơ quan quản lý trung ương có thể quy định quốc tịch và chỉ tiêu số lượng lao động nước ngoài làm việc theo khoản 8 đến 11 khoản 1 Điều 46.

Điều 48-1. 1. Chủ sử dụng trong nước trước khi lần đầu tuyển dụng người nước ngoài làm khán hộ công gia đình hoặc giúp việc gia đình phải tham gia khóa tập huấn trước tuyển dụng do cơ quan quản lý hoặc tổ chức phi lợi nhuận được ủy thác tổ chức.

2. Đối tượng, nội dung, hình thức tập huấn do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 49. Đại sứ quán, lãnh sự quán, cơ sở đại diện nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Đài Loan tuyển dụng người nước ngoài phải nộp đơn xin phép Bộ Ngoại giao.

Điều 50. Chủ sử dụng tuyển dụng các học sinh/sinh viên sau đây làm việc không bị hạn chế bởi khoản 1 Điều 46; thời gian làm việc tối đa 20 giờ/tuần (trừ kỳ nghỉ hè và nghỉ đông):

1. Du học sinh nước ngoài đang học tại các trường đại học/cao đẳng công lập hoặc tư nhân đã đăng ký.

2. Kiều sinh và học sinh gốc Hoa đang học tại các trường trung học trở lên công lập hoặc tư nhân đã đăng ký.

Điều 51. 1. Tuyển dụng các đối tượng người nước ngoài sau đây được miễn áp dụng các hạn chế quy định tại khoản 1, 3 Điều 46, Điều 47, 52, khoản 3, 4 Điều 53, khoản 5 Điều 57, khoản 4 Điều 72, Điều 74 và miễn nộp phí ổn định việc làm:

(1) Người tị nạn được phép cư trú.

(2) Người nước ngoài được phép làm việc liên tục tại Đài Loan và cư trú liên tục đủ 5 năm, có nhân phẩm tốt và có nơi ở cố định.

(3) Người được phép sống chung với người thân trực hệ có hộ khẩu tại Đài Loan.

(4) Người đã có thẻ thường trú nhân (APRC).

2. Đối tượng tại khoản 1, 3, 4 nêu trên có thể trực tiếp nộp đơn xin giấy phép lên Cơ quan quản lý trung ương mà không cần qua chủ sử dụng.

3. Pháp nhân nước ngoài cần cử nhân viên vào Đài Loan thực hiện hợp đồng thầu, mua bán, hợp tác kỹ thuật... mà chưa thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện tại Đài Loan thì do doanh nghiệp ký kết hợp đồng hoặc đại lý ủy quyền đứng ra nộp đơn xin phép.

Điều 52. 1. Thời hạn cấp phép làm việc cho lao động nước ngoài làm các công việc từ khoản 1 đến 7 và khoản 11 Điều 46 tối đa là 3 năm. Hết hạn nếu có nhu cầu tiếp tục, chủ sử dụng có thể xin gia hạn.

2. Thời hạn cấp phép đối với công việc từ khoản 8 đến 10 Điều 46 tối đa là 3 năm. Trường hợp đặc biệt có thể xin gia hạn (công trình trọng điểm gia hạn tối đa 6 tháng).

3. Tổng thời gian làm việc tích lũy tại Đài Loan đối với lao động thuộc khoản 8 đến 10 Điều 46 không được vượt quá 12 năm.

4. Đối với khán hộ công gia đình (khoản 9) có thể hiện xuất sắc qua đào tạo hoặc tự học, đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Lao động thì tổng thời gian làm việc tích lũy tối đa không vượt quá 14 năm.

Điều 53. 1. Lao động nước ngoài trong thời hạn phép làm việc nếu cần chuyển chủ sử dụng hoặc làm việc cho 2 chủ trở lên phải do chủ sử dụng mới nộp đơn xin phép.

2. Lao động nước ngoài làm việc theo khoản 8 đến 11 khoản 1 Điều 46 không được tự ý chuyển đổi chủ sử dụng hoặc công việc, trừ các trường hợp đặc biệt được Bộ Lao động phê duyệt theo Điều 59.

Điều 54. Chủ sử dụng vi phạm các quy định như đình công tại nơi làm việc, từ chối tuyển lao động trong nước không lý do, chứa chấp lao động bỏ trốn, sa thải trái phép lao động trong nước, khấu trừ trái phép giấy tờ/tài sản... sẽ không được cấp hoặc bị hủy bỏ giấy phép tuyển dụng lao động nước ngoài.

Điều 55. 1. Chủ sử dụng tuyển lao động nước ngoài theo khoản 8 đến 10 khoản 1 Điều 46 phải nộp Phí ổn định việc làm vào tài khoản chuyên dụng.

2. Hộ thu nhập thấp, cận nghèo hoặc người khuyết tật/người cao tuổi nhận trợ cấp theo quy định khi tuyển khán hộ công gia đình được miễn nộp phí ổn định việc làm.

3. Chậm nộp phí sẽ bị phạt tiền chậm nộp (0.3%/ngày, tối đa 30%). Nếu quá 30 ngày vẫn không nộp sẽ bị cưỡng chế thi hành và hủy bỏ giấy phép làm việc.

Điều 56. Lao động nước ngoài tự ý nghỉ việc liên tục 3 ngày không liên lạc được (bỏ trốn) hoặc chấm dứt HĐLĐ, chủ sử dụng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý lao động, cơ quan xuất nhập cảnh và cảnh sát trong vòng 3 ngày.

Điều 57. Chủ sử dụng lao động không được có các hành vi sau:

1. Sử dụng lao động không có giấy phép, hết hạn giấy phép hoặc lao động của chủ khác.

2. Mượn tên mình tuyển lao động cho người khác làm việc.

3. Phân công lao động làm công việc ngoài phạm vi cho phép.

4. Tự ý thay đổi nơi làm việc của lao động khi chưa được phép.

5. Không sắp xếp cho lao động khám sức khỏe hoặc không nộp kết quả khám theo quy định.

6. Việc tuyển lao động nước ngoài dẫn đến sa thải/cho nghỉ việc lao động trong nước.

7. Cưỡng bức lao động bằng bạo lực, đe dọa hoặc phương pháp bất hợp pháp khác.

8. Tạm giữ hoặc chiếm đoạt hộ chiếu, thẻ cư trú (ARC) hoặc tài sản của lao động.

9. Các hành vi khác vi phạm Luật này.

Điều 58. Lao động nước ngoài xuất cảnh, tử vong hoặc bỏ trốn quá 3 tháng không tìm thấy (đối với khán hộ công gia đình là quá 1 tháng) do nguyên nhân không thuộc lỗi của chủ sử dụng, chủ sử dụng được phép nộp đơn xin tuyển bổ sung.

Điều 59. Lao động nước ngoài làm việc theo khoản 8 đến 11 khoản 1 Điều 46 được phép chuyển chủ sử dụng hoặc chuyển công việc trong các trường hợp sau:

1. Chủ sử dụng hoặc người được chăm sóc tử vong hoặc di dân.
2. Tàu cá bị bắt giữ, chìm hoặc sửa chữa không thể tiếp tục hoạt động.
3. Chủ sử dụng đóng cửa nhà máy, giải thể hoặc không trả lương theo HĐLĐ dẫn đến chấm dứt HĐLĐ.
4. Các lý do khác không thuộc lỗi của người lao động.

Điều 60. Chi phí trực xuất và lưu trú khi lao động nước ngoài bị cưỡng chế xuất cảnh do các bên chịu trách nhiệm theo thứ tự: Người chứa chấp/tuyển dụng/môi giới bất hợp pháp -> Chủ sử dụng có lỗi -> Bản thân lao động nước ngoài.

Điều 61. Lao động nước ngoài tử vong trong thời gian làm việc, chủ sử dụng có trách nhiệm đại diện xử lý các công việc hậu sự/tang lễ.

Điều 62. Cơ quan quản lý, cơ quan xuất nhập cảnh, cảnh sát, lực lượng tuần tra biển có quyền cử nhân viên mang giấy tờ chứng minh đến nơi làm việc kiểm tra. Chủ sử dụng và các bên liên quan không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Chương VI: Xử phạt

Điều 63. Vi phạm Điều 44 (chứa chấp bất hợp pháp) hoặc khoản 1, 2 Điều 57 (sử dụng lao động bất hợp pháp) bị phạt tiền từ 150.000 đến 750.000 Tân Đài Tệ. Tái phạm trong 5 năm bị phạt tù đến 3 năm, phạt quản chế hoặc phạt tiền đến 1.200.000 Tân Đài Tệ.

Điều 64. Vi phạm Điều 45 (môi giới bất hợp pháp) bị phạt tiền từ 100.000 đến 500.000 Tân Đài Tệ. Nếu nhằm mục đích trục lợi bị phạt tù đến 3 năm hoặc phạt tiền đến 1.200.000 Tân Đài Tệ.

Điều 65. Vi phạm quy định về phân biệt đối xử (khoản 1 Điều 5), quảng cáo sai sự thật, thu phí môi giới trái phép, môi giới việc làm vi phạm thuần phong mỹ tục... bị phạt tiền từ 300.000 đến 1.500.000 Tân Đài Tệ.

Điều 66. Thu phí hoặc lợi ích bất hợp pháp vượt quá tiêu chuẩn (khoản 5 Điều 40) bị phạt tiền gấp từ 10 đến 20 lần số tiền đã thu.

Điều 67. Vi phạm giữ giấy tờ tùy thân, không lập hợp đồng bằng văn bản, không bố trí đủ nhân viên chuyên môn... bị phạt tiền từ 60.000 đến 300.000 Tân Đài Tệ.

Điều 68. Lao động nước ngoài làm việc chui/không phép (Điều 43) bị phạt tiền từ 30.000 đến 150.000 Tân Đài Tệ, lập tức bị buộc xuất cảnh và cấm quay lại làm việc tại Đài Loan.

Điều 69. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân vi phạm nghiêm trọng có thể bị xử phạt đình chỉ hoạt động lên đến 1 năm.

Điều 70. Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân vi phạm nghiêm trọng hoặc bị đình chỉ hoạt động từ 2 lần trở lên trong 1 năm có thể bị thu hồi giấy phép thành lập.

Điều 71. Nhân viên chuyên môn vi phạm Điều 37 có thể bị thu hồi chứng chỉ hành nghề.

Điều 72. Chủ sử dụng vi phạm các quy định về quản lý lao động nước ngoài sẽ bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển dụng.

Điều 73. Lao động nước ngoài làm việc cho chủ khác, tự ý làm công việc ngoài phép, bỏ trốn 3 ngày, từ chối khám sức khỏe, vi phạm pháp luật nghiêm trọng... sẽ bị hủy bỏ giấy phép làm việc.

Điều 74. Lao động nước ngoài hết hạn hợp đồng hoặc bị hủy bỏ giấy phép làm việc phải lập tức xuất cảnh (trừ trường hợp được pháp luật cho phép).

Điều 75. Thẩm quyền phạt tiền do Cơ quan quản lý thành phố trực thuộc trung ương hoặc tỉnh/huyện thực hiện.

Điều 76. Tiền phạt quá hạn không nộp sẽ bị chuyển cưỡng chế thi hành.

Chương VII: Điều khoản thi hành

Điều 77. Lao động nước ngoài đã được cấp phép làm việc trước khi Luật này sửa đổi thì tiếp tục làm việc cho đến hết thời hạn đã phê duyệt.

Điều 78. Thân nhân của cán bộ ngoại giao, tổ chức quốc tế làm việc tại Đài Loan xin phép làm việc qua Bộ Ngoại giao.

Điều 79. Người không quốc tịch, công dân Dân Quốc không có hộ khẩu tại Đài Loan khi làm việc được áp dụng theo các quy định đối với người nước ngoài.

Điều 80. Người dân khu vực Đại lục làm việc tại Đài Loan áp dụng theo các quy định tại Chương V Luật này (trừ khi pháp luật khác có quy định).

Điều 81. Cơ quan quản lý thu phí thẩm định và phí cấp chứng thư khi thụ lý hồ sơ.

Điều 82. Điều lệ thi hành Luật này do Cơ quan quản lý trung ương quy định.

Điều 83. Luật này có hiệu lực từ ngày công bố (trừ một số điều khoản có thời điểm hiệu lực riêng).